

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 23

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Toán	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2010)
	Ông Trịnh Xuân Tấn	Chủ tịch (Thôi giữ chức ngày 28 tháng 4 năm 2010)
	Ông Nguyễn Văn Dinh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thanh Hoài	Ủy viên
	Ông Bùi Hải Nam	Ủy viên
	Ông Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Dinh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Hoài	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Văn Dinh
Giám đốc

Bình Phước, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Số. 303/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu, chênh lệch tỷ giá liên quan đến số dư khoản mục vay có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2010 có sự khác biệt so với Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình và Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, Công ty đã thực hiện việc chi cổ tức 40.500.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2010. Việc chi trả cổ tức nêu trên đã làm cho lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2010 là 63.835.256.600 đồng.

**Nguyễn Anh Tuấn**
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2011**Trương Văn Nghĩa**
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		40.141.067.121	54.862.332.771
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.473.064.528	32.611.426.422
1. Tiền	111		973.064.528	6.611.426.422
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	26.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	6.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.989.333.730	13.855.669.230
1. Phải thu khách hàng	131		20.595.865.458	13.035.061.930
2. Trả trước cho người bán	132		296.158.672	128.398.000
3. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.097.309.600	692.209.300
IV- Hàng tồn kho	140		4.793.637.047	2.032.852.619
1. Hàng tồn kho	141	5.3	4.793.637.047	2.032.852.619
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		885.031.816	362.384.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		116.479.702	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.674.460	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	762.877.654	362.384.500
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.169.483.425.091	1.212.892.197.146
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.096.720.964.798	1.133.171.416.799
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	856.289.125.099	873.227.893.896
- Nguyên giá	222		1.064.648.761.497	1.044.590.110.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.359.636.398)	(171.362.216.998)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	238.647.048.787	240.303.940.787
- Nguyên giá	228		243.512.007.047	243.512.007.047
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.864.958.260)	(3.208.066.260)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	1.784.790.912	19.639.582.116
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		72.762.460.293	79.720.780.347
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	72.760.460.293	79.718.780.347
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.000.000	2.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.209.624.492.212	1.267.754.529.917

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		815.904.102.132	818.148.312.705
I- Nợ ngắn hạn	310		161.012.920.624	226.871.744.263
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		74.205.815.908	52.453.025.531
2. Phải trả người bán	312		2.678.663.082	2.738.725.161
3. Người mua trả tiền trước	313		1.081.560.400	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1.083.992.278	1.402.482.278
4. Phải trả người lao động	315		1.200.017.470	-
5. Chi phí phải trả	316		4.633.481.649	6.198.780.287
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	75.444.880.396	162.353.860.370
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		684.509.441	1.724.870.641
II- Nợ dài hạn	330		654.891.181.508	591.276.568.442
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.11	138.833.138.378	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	516.058.043.130	591.259.068.442
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	17.500.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		393.720.390.080	449.606.217.212
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	393.720.390.080	449.606.217.212
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.555.646.680	7.555.646.680
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(63.835.256.600)	(7.949.429.468)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.209.624.492.212	1.267.754.529.917



Nguyễn Văn Đình
 Giám đốc
 Bình Phước, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Trọng Thọ
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02 - DN

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	119.220.073.132	170.163.240.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		119.220.073.132	170.163.240.600
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	58.419.780.900	54.863.133.591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		60.800.292.232	115.300.107.009
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	6.696.841.318	6.590.028.304
7. Chi phí tài chính	22	5.17	76.342.554.830	64.393.296.280
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		73.370.450.383	62.832.228.535
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	6.550.408.237	7.233.026.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(15.395.829.517)	50.263.812.548
11. Thu nhập khác	31		10.002.385	113.331.321
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		10.002.385	113.331.321
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(15.385.827.132)	50.377.143.869
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	-	1.541.500
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(15.385.827.132)	50.375.602.369
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	(342)	1.119



Nguyễn Văn Dinh
 Giám đốc
 Bình Phước, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Trọng Thọ
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03 - DN

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2009	
		Năm 2010 VND	(Trình bày lại) VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	124.322.165.922	136.087.036.320
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.917.358.719)	(5.726.772.519)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.801.025.403)	(8.368.662.005)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(65.212.841.810)	(23.253.615.969)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.541.500)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.180.193.269	1.885.211.989
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(28.282.399.791)	(27.814.619.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.287.191.968	72.808.578.191
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(678.582.648)	(189.321.786)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	63.912.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(99.000.000.000)	(90.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	105.000.000.000	90.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.804.591.552	4.204.455.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.126.008.904	(1.920.953.655)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	500.000.000	1.638.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(41.926.512.766)	(38.400.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.125.050.000)	(5.653.983.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.551.562.766)	(42.415.983.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(20.138.361.894)	28.471.641.536
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.611.426.422	4.139.784.886
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	12.473.064.528	32.611.426.422



Nguyễn Văn Đình
 Giám đốc
 Bình Phước, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Trọng Thọ
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy
 Người lập

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) hình thành từ việc cổ phần hóa và chuyển bộ phận doanh nghiệp Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 44.03.000113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/02/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp sửa đổi lần thứ 3 ngày 27/5/2010.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010 là: 450.000.000.000 đồng, trong đó:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam	30.475.500	304.755.000.000	67,72 %
Cán bộ công nhân viên của Công ty	175.250	1.752.500.000	0,39 %
Vốn của cổ đông khác	14.349.250	143.492.500.000	31,89 %
Cộng	45.000.000	450.000.000.000	100 %

Trụ sở chính của Công ty tại Thôn 7, xã Long Bình, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Số lao động bình quân: 152 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất kinh doanh điện năng, đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án cấp điện.
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án cấp nước.
- Đầu tư xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Xây dựng công trình giao thông.
- Xây dựng thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế.
- Đào tạo, tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt các công trình điện nhà máy điện.
- Tư vấn, thí nghiệm các công trình điện, đường dây và trạm biến áp.
- Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị vật liệu xây dựng.
- Trồng trọt, nuôi trồng thủy sản.
- Trồng cây nông nghiệp
- Kinh doanh dịch vụ du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phân vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng Cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán và phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian</u> <u>khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 25
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1346/QĐ-BXD ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Xây dựng về giá trị bộ phận doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên.

Tài sản cố định vô hình của Công ty được trích khấu hao trong vòng 20 năm khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

Giá trị thương hiệu

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị thương hiệu IDICO theo Quyết định số 1346/QĐ-BXD ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Xây dựng về giá trị bộ phận doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam. Giá trị thương hiệu được trích khấu hao trong vòng 20 năm khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Lợi thế kinh doanh theo Quyết định số 1346/QĐ-BXD ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Xây dựng về giá trị bộ phận doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 30 năm.

Hỗ trợ lãi suất: được phân bổ 10 năm (trương ứng với nguồn thu của hợp đồng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư).

Chi phí trung tu H1, H2: được phân bổ 2 năm (theo chu kỳ trung tu của thiết bị).

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Hoạt động sản xuất điện: Thuế thu nhập doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ năm 2007, được miễn thuế 3 năm kể từ năm 2007 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2010 theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 7795/BKH/PTDN chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 24/12/2008.

Tiền thuê đất: Công ty được miễn 11 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 7795/BKH/PTDN chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 24/12/2008.

Hoạt động sản xuất nước sạch: Thuế thu nhập doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ năm 2010, được miễn thuế 3 năm kể từ năm 2010 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo kể từ năm 2013 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 44121000025 cấp lần đầu ngày 14/4/2008.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên, các công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	195.348.000	513.550.525
Tiền gửi Ngân hàng	777.716.528	6.097.875.897
Các khoản tương đương tiền	11.500.000.000	26.000.000.000
Tổng	12.473.064.528	32.611.426.422

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ban Quản lý dự án Thủy Điện Đăk Mi 4	-	190.716.540
Công đoàn Công ty	671.815.600	501.492.760
VDB Bình Phước (*)	425.494.000	-
Tổng	1.097.309.600	692.209.300

(*) Hỗ trợ lãi suất 4% năm 2010 theo Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04/4/2009 của Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh. Hiện tại VDB Bình Phước, chưa thực hiện chi trả khoản hỗ trợ lãi suất trên cho Công ty.

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	21.352.500	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.283.086.168	1.429.005.792
Công cụ, dụng cụ	40.387.437	15.961.437
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.448.810.942	587.885.390
Tổng	4.793.637.047	2.032.852.619

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	754.127.654	353.634.500
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.750.000	8.750.000
Tổng	762.877.654	362.384.500

Đạo tạo tại CHINH CHO HÀNH TẠI CHINH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2010	574.456.414.722	467.659.485.982	2.391.436.825	82.773.365	1.044.590.110.894
Tăng trong năm	18.182.280.488	1.750.725.342	38.722.000	86.922.773	20.058.650.603
Mua trong năm	-	159.100.000	38.722.000	86.922.773	284.744.773
Đầu tư XDCB hoàn thành	18.182.280.488	1.591.625.342	-	-	19.773.905.830
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	592.638.695.210	469.410.211.324	2.430.158.825	169.696.138	1.064.648.761.497
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	55.263.188.000	115.800.983.998	278.501.000	19.544.000	171.362.216.998
Tăng trong năm	13.361.393.000	23.155.600.000	442.638.400	37.788.000	36.997.419.400
Khấu hao trong năm	13.361.393.000	23.155.600.000	442.638.400	37.788.000	36.997.419.400
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	68.624.581.000	138.956.583.998	721.139.400	57.332.000	208.359.636.398
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2010	519.193.226.722	351.858.501.984	2.112.935.825	63.229.365	873.227.893.896
Tại 31/12/2010	524.014.114.210	330.453.627.326	1.709.019.425	112.364.138	856.289.125.099

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 514.477.840.037 đồng (Năm 2009: 691.853.000.000 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Giá trị thương hiệu	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2010	211.576.356.911	30.000.000.000	1.935.650.136	243.512.007.047
Số dư tại 31/12/2010	211.576.356.911	30.000.000.000	1.935.650.136	243.512.007.047
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2010	66.101.000	2.827.397.260	314.568.000	3.208.066.260
Tăng trong năm	60.110.000	1.500.000.000	96.782.000	1.656.892.000
Khấu hao trong năm	60.110.000	1.500.000.000	96.782.000	1.656.892.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	126.211.000	4.327.397.260	411.350.000	4.864.958.260
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2010	211.510.255.911	27.172.602.740	1.621.082.136	240.303.940.787
Tại 31/12/2010	211.450.145.911	25.672.602.740	1.524.300.136	238.647.048.787

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thủy điện Srok Phu Miêng	1.571.956.924	1.451.956.924
Nhà Máy Nước Bình Phước IDICO	-	17.910.177.619
Đường ranh khu đầu mối	-	275.687.573
Khu dân cư Bình Long	189.861.988	1.760.000
Mua sắm tài sản cố định	22.972.000	-
Tổng	1.784.790.912	19.639.582.116

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	79.718.780.347	85.186.033.333
Tăng	462.932.960	49.972.016.422
Phân bổ vào chi phí trong năm	7.421.253.014	55.439.269.408
Các khoản thanh lý khác	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	72.760.460.293	79.718.780.347

Chi tiết theo khoản mục chi phí

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Lợi thế kinh doanh	37.401.830.000	38.787.000.000
Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	35.011.431.333	40.013.233.333
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	347.198.960	918.547.014
Tổng	72.760.460.293	79.718.780.347

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	814.752.419	1.018.652.218
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.541.500
Thuế thu nhập cá nhân	33.403.032	41.123.075
Thuế tài nguyên	235.836.827	341.165.480
Tổng	1.083.992.278	1.402.482.273

5.10 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	-	28.810.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.444.880.396	162.325.049.770
Tổng	75.444.880.396	162.353.860.370

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải trả, phải nộp IDICO	74.305.096.695	161.049.306.069
<i>Cổ tức phải trả:</i>	27.427.950.000	-
<i>Lãi vay phải trả:</i>	3.668.344.470	-
<i>Vay vốn lưu động và trả nợ nước ngoài</i>	43.208.802.225	22.216.167.691
<i>Nhận nợ (thặng dư đánh giá lại tài sản)</i>	-	138.833.138.378
Khác	1.139.783.701	1.275.743.701
Tổng	75.444.880.396	162.325.049.770

5.11 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nhận nợ Tổng IDICO (thặng dư đánh giá lại tài sản)	138.833.138.378	-
Tổng	138.833.138.378	-

5.12 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	590.263.859.038	643.712.093.973
<i>Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Đồng Nai (*)</i>	404.392.000.000	428.392.000.000
<i>Bộ Tài chính (**)</i>	23.514.976.398	29.546.247.159
<i>Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu China Eximbank (***)</i>	150.887.882.640	172.304.846.814
<i>Ngân hàng Phát Triển Bình Phước (****)</i>	11.469.000.000	13.469.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	74.205.815.908	52.453.025.531
Tổng	516.058.043.130	591.259.068.442

5.12 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

() Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai*

Nhận nợ lại từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2004/HĐTD ngày 1/6/2004 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (Ngân hàng đầu mối) và IDICO, hạn mức vay là: 621.000.000.000 đồng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miếng với thời gian cho vay là 162 tháng, thời gian ân hạn nợ gốc là 36 tháng, thời gian trả nợ 126 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 20/01/2018. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần, được tính như sau:

Lãi suất nợ trong hạn = Lãi suất tham chiếu + 2,55% (bao gồm phí đầu mỗi 0,05%)

Lãi suất tham chiếu được áp dụng là lãi suất lớn nhất được lựa chọn một trong hai mức lãi suất được tính theo nguyên tắc sau:

+ Nguyên tắc 1: Lãi suất tham chiếu bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của các Bên cho vay.

+ Nguyên tắc 2: Lãi suất tham chiếu bằng lãi suất trung bình cộng của lãi suất trả phí điều hoà vốn Trung ương của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đồng Nai và Ngân hàng Đầu tư và phát triển Bình Phước..

Riêng trong giai đoạn từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010 BIDV Đồng Nai áp dụng mức lãi suất cho vay trung và dài hạn của các Ngân hàng đồng tài trợ tham chiếu theo Biên bản họp ngày 12/12/2008 ký giữa IDICO, IDICO-SHP và các Ngân hàng đồng tài trợ: "Lãi suất cho vay áp dụng theo điều 6, điểm 6.1 của Hợp đồng tín dụng số 01/2004 ngày 01/06/2004 nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu trung dài hạn cao nhất của các Ngân hàng cho vay đồng tài trợ và được thực hiện điều chỉnh một tháng một lần, mỗi lần điều chỉnh Ngân hàng Đầu mối sẽ thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản"

*(**) Bộ Tài chính*

Nhận nợ lại từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) theo Hợp đồng vay dài hạn số 08/HĐ ngày 30/6/2004 của Bộ Tài chính, hạn mức vay là: 2.490.790,28 đô la Mỹ. Mục đích vay là đầu tư thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miếng. Thời hạn vay là 12 năm và lãi suất là 6%/năm.

*(***) Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu China Eximbank*

Nhận nợ lại từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) theo Hợp đồng vay dài hạn số BLA04073 ngày 16/8/2004 của Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu China Eximbank, hạn mức vay là: 11.513.250 đô la Mỹ. Mục đích vay là đầu tư thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Srok Phu Miếng. Thời hạn vay là 12 năm và lãi suất là 5,11%/năm.

*(***) Ngân hàng Phát triển Bình Phước*

Hợp đồng vay dài hạn số 11/2009/HĐTD ngày 20/5/2009 của Ngân hàng Phát triển Bình Phước, hạn mức vay là: 34.000.000.000 đồng. Mục đích vay là đầu tư thực hiện dự án Nhà máy nước Bình Phước - IDICO. Thời hạn vay là 6 năm và lãi suất là 6,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐHQG - HN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	450.000.000.000	-	(45.548.529.468)	404.451.470.532
Tăng trong năm	-	7.555.646.680	50.375.602.369	57.931.249.049
Lãi trong năm	-	-	50.375.602.369	50.375.602.369
Phân phối lợi nhuận	-	7.555.646.680	-	7.555.646.680
Giảm trong năm	-	-	12.776.502.369	12.776.502.369
Cổ tức	-	-	2.904.900.000	2.904.900.000
Thù lao HĐQT	-	-	185.000.000	185.000.000
Giảm khác	-	-	9.686.602.369	9.686.602.369 (*)
Số dư tại 31/12/2009	450.000.000.000	7.555.646.680	(7.949.429.468)	449.606.217.212
Số dư tại 01/01/2010	450.000.000.000	7.555.646.680	(7.949.429.468)	449.606.217.212
Tăng trong năm	-	-	(15.385.827.132)	(15.385.827.132)
Lỗ trong năm	-	-	(15.385.827.132)	(15.385.827.132)
Giảm trong năm	-	-	40.500.000.000	40.500.000.000
Cổ tức	-	-	40.500.000.000	40.500.000.000 (**)
Số dư tại 31/12/2010	450.000.000.000	7.555.646.680	(63.835.256.600)	393.720.390.080

(*) Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước năm 2008, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển...

(**): Chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-PHĐCĐ ngày 28/04/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	304.755.000.000	304.755.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	145.245.000.000	145.245.000.000
Tổng	450.000.000.000	450.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	450.000.000.000	450.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.125.050.000	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2010, Công ty chia cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 9% bằng tiền mặt (trương ứng với số tiền: 40.500.000.000 đồng) từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2009. Đến thời điểm 31/12/2010 Công ty đã thực hiện chi trả cho cổ đông với số tiền là 13.072.050.000 đồng, còn nợ cổ đông chi phối số tiền là 27.427.950.000 đồng.

Khoản lỗ kế hoạch năm 2008 là âm (-) 48.449.429.468 đồng theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước, được chuyển lỗ tối đa 5 năm và bù đắp bằng nguồn lợi nhuận sau thuế từ năm 2011 đến năm 2013 theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

d. Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 / Cổ phiếu

5.14 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	117.133.292.250	170.013.240.600
+ Sản xuất điện	112.740.251.700	170.013.240.600
+ Sản xuất nước sạch	4.393.040.550	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.086.780.882	150.000.000
Tổng	119.220.073.132	170.163.240.600

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	56.473.428.521	54.725.673.591
+ Sản xuất điện	54.101.696.069	54.725.673.591
+ Sản xuất nước sạch	2.371.732.452	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.946.352.379	137.460.000
Tổng	58.419.780.900	54.863.133.591

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.160.457.318	563.231.304
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.536.384.000	6.026.797.000
Tổng	6.696.841.318	6.590.028.304

5.17 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	73.370.450.383	62.832.228.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.972.104.447	1.561.067.745
Tổng	76.342.554.830	64.393.296.280

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.580.367.406	3.213.455.877
Chi phí vật liệu quản lý	631.274.808	544.688.467
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.385.910	25.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.359.772.400	1.344.729.593
Thuế, phí và lệ phí	435.888.606	977.888.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	604.613.198	486.588.579
Chi phí bằng tiền khác	892.105.909	640.675.132
Tổng	6.550.408.237	7.233.026.485

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÈNG IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(15.385.827.132)	50.377.143.869
Trong đó:		
<i>Lợi nhuận kinh doanh điện</i>	(16.751.002.413)	50.370.977.869
<i>Lợi nhuận kinh doanh nước</i>	1.281.977.586	-
<i>Lợi nhuận dịch vụ tư vấn</i>	83.197.695	6.166.000
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	83.197.695	6.166.000
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN	20.799.424	1.541.500
Thuế TNDN được miễn (*)	20.799.424	-
Tổng	-	1.541.500

(*) Đoạn 2.5 Phần H, Thông tư số 130/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp” - Trường hợp hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ, hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập thì doanh nghiệp bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất của hoạt động kinh doanh còn thu nhập. Căn cứ hướng dẫn trên, Công ty đã bù trừ phần thuế phát sinh của hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế với hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ.

5.20 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(15.385.827.132)	50.375.602.369
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(15.385.827.132)	50.375.602.369
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.000.000	45.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(342)	1.119

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÈNG IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.179.226.184	868.598.028
Chi phí nhân công	11.223.653.692	8.817.252.731
Chi phí công cụ dụng cụ	415.014.273	172.371.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.597.987.391	37.156.155.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.847.064.131	1.088.313.811
Chi phí khác bằng tiền	12.783.951.509	14.585.671.844
Tổng	68.046.897.180	62.688.363.276

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu lao Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

	Năm 2010	Năm 2009
Lương Ban Giám đốc	691.445.821	782.433.167
Thù lao Hội đồng Quản trị	188.111.108	179.000.000
Tổng cộng	879.556.929	961.433.167

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng Công ty IDICO - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	Vay vốn lưu động IDICO, cổ tức phải trả	74.022.690.752	96.105.855.684
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Công ty con của IDICO	Cổ tức phải trả	2.692.892.700	598.420.600
Công ty TNHH MT Phát triển Đô thị & Khu công nghiệp IDICO (URBIZ)	Công ty con của IDICO	Xây lắp	1.114.779.491	6.140.112.800
BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk Mì 4	Đơn vị trực thuộc IDICO	Giá trị khối lượng tư vấn	3.301.019.400	-
Tổng			81.131.382.343	102.844.389.084

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÈNG IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	12/31/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng Công ty IDICO - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	Vay IDICO trả nợ Ngân hàng và Bộ Tài chính, cở tức năm 2009 phải trả, lãi vay nợ ngắn hạn năm 2010 phải trả	213.138.235.073	161.049.306.069
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO (URBIZ)	Công ty con của IDICO	Xây lắp	2.244.892.291	2.030.112.800
BQL dự án Nhà máy Thủy điện Đắk Mì 4	Đơn vị trực thuộc IDICO	Giá trị khối lượng tư vấn giám sát	1.005.560.400	
Tổng			216.388.687.764	163.079.418.869

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**Nguyễn Văn Đình****Giám đốc**

Bình Phước, ngày 15 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Trọng Thọ**Kế toán trưởng**
Vũ Thị Thúy**Người lập**

